

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẰNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 29

Phẩm 12: BỒ-TÁT VÔ TẬN Ý (Phần 3)

Bồ-tát Vô Tận Ý lại nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Tâm Từ của Bồ-tát cũng không cùng tận. Vì sao? Vì tâm Từ của Bồ-tát là vô lượng, vô biên, không giới hạn, bình đẳng với mọi loài, cùng khắp tất cả. Xá-lợi-phất! Như hư không bao hàm hết thảy, lòng Từ của Bồ-tát cũng vậy, thương yêu hết thảy chúng sinh. Xá-lợi-phất! Cõi chúng sinh vô lượng, vô biên, không cùng tận. Tâm Từ của Bồ-tát cũng vậy. Hư không không cùng tận. Xá-lợi-phất! Cảnh giới của đất, nước, lửa, gió, vô lượng, vô biên nhưng không bằng cõi chúng sinh.

– Thiện nam! Có thể ví dụ không?

– Có thể, nhưng không có thể dùng việc nhỏ để dụ.

Xá-lợi-phất! Cách đây một hằng hà sa cõi Phật của mười phương đều có một biển lớn, chúng sinh trong một hằng hà sa cõi tập trung, dùng một phần sợi lông (sợi lông được chẻ thành trăm phần) để lấy từng giọt nước biển. Cứ một hằng hà sa chúng sinh lấy một giọt nước, hai hằng hà sa chúng sinh lấy hai giọt nước. Cứ thế cho đến khi lấy hết nước trong biển, nhưng cõi chúng sinh vẫn không cùng tận. Tâm Từ của Bồ-tát cùng khắp tất cả chúng sinh ấy.

Xá-lợi-phất! Theo ông, căn lành tu Từ kia có cùng tận không?

– Không thể cùng tận.

Thiện nam! Tánh của hư không có thể cùng tận, tâm Từ của Bồ-tát không thể cùng tận. Bồ-tát nghe lời này mà không sinh kinh sợ là Bồ-tát đạt tâm Từ không cùng tận.

Xá-lợi-phất! Tâm Từ này tự lợi, lợi tha, không tranh chấp, trừ sân giận, cắt đứt dây ràng buộc, đoạn kết sử, hoan hỷ, không thấy tội lỗi phá giới của chúng sinh, không khổ não, luôn an vui, không tổn hại, không lo sợ, tùy thuận đạo Thánh, làm cho kẻ giận đối thành vui, vượt mọi tranh chấp, được ngợi khen, trang nghiêm công đức của Đấng Thích, Phạm thiên, được bậc trí ca tụng, bảo hộ phạm phu, tùy thuận đạo

thanh tịnh, vượt cõi Dục, hướng đến giải thoát, tóm thâu các thừa, độ kẻ tham tài vật, tăng trưởng pháp lành, không chấp công đức, trang nghiêm tướng tốt, trừ ngu dốt, mở ra đường chánh cho hàng trời người, đoạn ba cõi ác, tám nạn, thích pháp lành, tự tại như ý, bình đẳng với mọi loài, không chấp tướng, giữ giới, bảo hộ người phạm giới; thành tựu oai lực nhẫn vô thượng; trừ kiêu mạn, buông lung; siêng năng nhập chánh đạo, nhập định của Phật, phân biệt tâm, đoạn phiền não, hiểu mọi ngôn ngữ văn tự bằng tuệ, trừ quân ma, sống vui vẻ, điều phục tâm, kiên trì oai nghi giới pháp, đoạn loạn động, diệt các tướng, xoa thân bằng hương hổ thẹn, trừ phiền não hôi thối, bảo hộ chúng sinh, ban niềm vui cho mọi người. Thanh văn tu từ vì mình, Bồ-tát tu từ vì chúng sinh, vượt các dòng. Từ có: Từ duyên chúng sinh, duyên pháp và không đối tượng duyên. Duyên chúng sinh: Mới phát tâm; duyên pháp: Đã tu tập; không đối tượng duyên: Đạt pháp nhẫn sâu xa. Đó là tâm Từ không cùng tận của Bồ-tát.

Xá-lợi-phất! Tâm Bi của Đại Bồ-tát cũng không cùng tận. Vì sao? Xá-lợi-phất! Như mạng sống con người, căn bản nhất là hơi thở. Cũng thế, Bồ-tát tu học pháp Đại thừa, căn bản Nhất là tâm Bi. Như Chuyển luân vương coi xe báu là gốc, người tu Nhất thiết trí xem đại Bi là gốc. Như trưởng giả thương yêu đứa con duy nhất. Tâm Bi của Bồ-tát cũng thế, thương yêu chúng sinh như con. Tâm Bi đó, Bồ-tát tự hành, tự lợi; không do duyên bên ngoài; không đua nịnh; thành tựu trí chân chánh; được phát từ đạo chất trực; không quanh co; không kiêu mạn với chúng sinh; đạt thân Như Lai sau khi bỏ thân này; không tham mạng sống, không làm ác; bảo vệ chúng sinh, hành Bồ-đề; hộ pháp chân thật, tâm thanh tịnh; cứu kẻ khổ nạn, kiên định thệ nguyện, không dao động, không dối mình, Hiền thánh, trời người; thanh tịnh hạnh, tạo nghiệp lành; ban vui của mình cho người; không làm khổ người; giúp chúng sinh bỏ gánh nặng; bảo vệ kẻ thế cô, kham nhẫn trước quyền thế; chăm sóc bệnh nhân không nhỡ gồm; tự tại hóa độ chúng sinh ngu tối; giấu đức mình; đoạn khổ; cầu pháp lạc vô lậu; ban cho vật mình yêu thích; làm mọi việc lành, không nào hại; giữ gìn giới cấm, không bỏ kẻ hủy giới; hóa độ mọi loài; không tiếc thân mạng; khởi căn lành của chúng sinh; khởi căn lành tự lợi; sinh khởi thiền định không chấp vị; không chán ghét cõi Dục; đủ tuệ quán; căn lành không nhiễm; thành tựu ý nguyện của chúng sinh; vượt pháp hữu vi, vô vi; không chứng vô vi; biết tánh chúng sinh là vô vi nên luôn hóa độ; bảo hộ kẻ hủy giới; khen

ngợi giới Phật. Tất cả các tâm Bi đều xuất phát từ đại Bi này. Đại Bi ấy đủ các pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, trợ đạo; đạt trí tự nhiên; giúp chúng sinh tạo nên sự nghiệp như mình. Xá-lợi-phất! Đó là đại Bi không cùng tận của Bồ-tát.

Xá-lợi-phất! Tâm Hỷ của Bồ-tát cũng không cùng tận. Vì sao? Luôn vui vẻ niệm pháp; không lười biếng; đoạn năm dục, an trụ pháp lạc; tâm vui hòa, thân thoải mái; luôn thương yêu; cầu Pháp thân vô thượng của Như Lai; tự trang nghiêm tướng tốt; siêng nghe pháp, nhớ hành chánh pháp; tâm vui vẻ; dốc cầu pháp; hiểu pháp Phật; vượt Nhị thừa, phát tâm vô thượng; không keo kiệt; tu tâm Xả; thanh tịnh bố thí; tâm luôn vui, bố thí người trì giới; bảo hộ kẻ phá giới; tự thanh tịnh giới cấm; giúp chúng sinh thoát sợ, xa lánh cõi ác; chuyên tâm hồi hướng về giới Như Lai; kiên định không hủy hoại; không trả thù khi bị mạ nhục; không kiêu mạn với chúng sinh; cung kính tôn trọng; luôn nói lời hòa nhã; nói lời êm dịu nhưng không dua nịnh; không dối gạt người, không vì vật chất mà lệ thuộc người; tâm thanh tịnh, không thô bạo; không thấy lỗi người; niệm pháp hòa kính; kính các Bồ-tát như Phật; kính người thuyết pháp; tôn kính Như Lai, kính các bậc sư trưởng như cha mẹ; xem chúng sinh như con; giữ gìn oai nghi như bảo hộ đầu mình; quý các Ba-la-mật như tay chân mình; xem pháp lành như châu báu; xem lời chỉ dạy như năm dục; biết đủ; xem pháp như thuốc hay; coi người nói lỗi mình như thầy thuốc giỏi; luôn phòng hộ các căn. Tâm Hỷ này tịch tĩnh, vi diệu, không đùa cợt, không ỷ lại, không loạn tâm, học rộng nói lời hay, bình đẳng nhu thuận, dũng mãnh làm lành, không hối hận, an trụ, không lười biếng, không dao động, không gần kẻ ương ngạnh, không quên thật nghĩa, chân thật, không biến đổi, bền vững, kiên định tâm Xả, đủ oai lực, đủ thần lực Phật, cầu pháp Phật.

Xá-lợi-phất! Hạnh xả của Đại Bồ-tát cũng không cùng tận. Xả có ba: Xả phiền não, xả chấp mình người, xả chấp thời phi thời. Xả phiền não: Được cung kính cúng dường, tâm không kiêu mạn; bị khinh chê tâm không tự ti; không tham khi được vật cúng; không buồn khi gặp khổ não; không vui mừng khi được khen; không xấu hổ khi bị chê không buồn bã khi bị hiềm trách; an trụ nơi pháp giới khi được ca ngợi; kham nhẫn khi gặp khổ; thấy pháp vô thường khi thọ nhận lạc; bỏ vật yêu quý, đoạn sân; bình đẳng với kẻ oán người thân; an trụ tâm ý trước người giữ giới, hủy giới, không phân biệt thiện ác; không chấp vật yêu ghét; kham nhẫn khi nghe việc tốt xấu; không chấp lời hay dở, bình đẳng với chúng sinh; biết rõ thượng, trung, hạ; không tiếc

thân mạng, quán việc tốt xấu như pháp giới, thanh tịnh trước pháp thật hư; tu hạnh xả theo pháp thế gian của Bồ-tát. Xả chấp mình người: Không sân hận, không trả thù khi bị cắt chân tay, xả cả vật bên trong, bên ngoài, không tranh chấp; mắt không tham sắc; tai tiếng, mũi hương, lưỡi vị, thân xúc, ý pháp cũng vậy; không tổn hại; bình đẳng trước lợi, hại; không tranh luận về nghĩa đệ nhất; khéo phân biệt tâm; quán xả thân mình; không tổn hại người; không chấp thiên định. Chư Phật không cho phép Bồ-tát bỏ chúng sinh. Vì sao? Vì Bồ-tát siêng năng tu tập, cầu pháp lành vì mình người. Xả chấp thời phi thời: Xả các việc không độ chúng sinh do chưa đủ cơ duyên; bỏ nghèo khổ, cầu trí Thanh văn; khi bố thí không giữ giới; khi giữ giới không bố thí; khi tu nhẫn không hành thí, giới, tinh tấn; khi hành tinh tấn không tu thí giới nhẫn; khi tu thiền không bố thí; khi tu trí không tu năm Ba-la-mật khác. Bồ-tát cần tu tập các pháp, dũng mãnh, siêng năng không cùng tận.

Xá-lợi-phất! Thần thông của Bồ-tát cũng không cùng tận. Bồ-tát đủ năm thông: Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm, Túc mạng, Như ý. Thiên nhãn của Bồ-tát vượt trên Thiên nhãn của Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Càn-thát-bà, Hữu học, Vô học, Thanh văn, Duyên giác. Thiên nhãn của Bồ-tát thông đạt tổ ngộ, hướng đến trí Nhất thiết, đầy đủ công đức. Với Thiên nhãn của Bồ-tát thấy tất cả hình sắc cảnh tượng xa gần thô tế của tất cả cõi nước mười phương, thấy cả việc thọ sinh của chúng sinh ở đó. Ngoài cõi trời Vô sắc ra, Bồ-tát thấy rõ nghiệp quả của tất cả. Bồ-tát thấy cõi nước thanh tịnh trang nghiêm của chư Phật khắp mười phương nên siêng năng giữ giới để nguyện hồi hướng trang nghiêm cõi mình, an trụ nơi giới đức, thành tựu vô lượng lợi ích. Bồ-tát lại thấy các Bồ-tát, đại chúng tu tập, thanh tịnh uy nghi, chánh niệm, giải thoát, an trụ nơi pháp Tổng trì, đủ biện tài, trí tuệ nên Bồ-tát siêng năng tu tập trọn vẹn các hạnh. Mắt Bồ-tát thanh tịnh, thấy mọi sắc nhưng không nhiễm; không chấp phiền não; thông đạt; không nương tựa; không khởi phiền não; không trở ngại; trừ nghi; không khởi đoạn chướng ngại; soi sáng các pháp, không hành thức; không tham, sân, si, đoạn các kết sử; hướng đến trí căn bản của Phật; bình đẳng soi rọi chúng sinh; không nhớ; đoạn pháp ác; không nhiễm; nhập vào mắt Phật; không tham ái; đoạn sân; biết thật nghĩa các pháp. Vì sao? Vì Bồ-tát an trụ nơi đại Bi, hiểu rõ tướng pháp, khéo hiểu nghĩa, không tranh chấp, không làm ác, hướng đến đạo tràng, tâm không chướng

ngại, sẵn lòng ban cho mọi vật khi thấy kẻ keo kiệt; giữ giới thanh tịnh khi thấy người hủy giới; tu nhẫn trước kẻ sân; siêng năng trước kẻ lười biếng, hiện thiên định trước kẻ tán loạn; ban mắt trí cho kẻ ngu, hiện chánh đạo cho kẻ hành tà đạo, thuyết pháp Phật vi diệu cho những kẻ tu tập pháp nhỏ để chúng đạt trí Nhất thiết, không thoái chuyển thân thông trọn vẹn Bồ-đề.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát đạt Thiên nhĩ thông nghe được tất cả âm thanh của các hàng Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật, kể cả tiếng của các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, côn trùng Bồ-tát hiểu được âm thanh của nghiệp thiện, ác, không thiện ác nơi tất cả chúng sinh ở mọi chốn; biết rõ nghiệp thiện, ác, không thiện, ác của miệng; biết vì tham ái mà nói lời sân si; biết có người tâm tịnh lời thô, người lời tịnh tâm thô. Bồ-tát biết rõ tiếng nói của Thánh, phi Thánh. Không tham ái khi nghe tiếng của Thánh, không khó chịu khi nghe lời của những kẻ không phải Thánh. Với lời của các bậc Thánh Bồ-tát đủ tâm Từ, với lời của kẻ không phải Thánh Bồ-tát đủ tâm Bi. Với tất cả các âm thanh quá khứ, vị lai, hiện tại Bồ-tát nghe mà không chấp thời gian vì đủ trí biết thật. Bồ-tát nghe được chánh pháp vi diệu của chư Phật, nhớ thọ trì, không quên, tùy thuận thuyết giảng cho chúng sinh, phân biệt tướng vững chắc, không vững chắc. Bồ-tát này không có việc nghe pháp của một Đức Phật không nghe pháp của các Đức Phật khác, mà là nghe được tất cả. Nghe pháp thiện, ác, không thiện ác, Bồ-tát biết rõ thời, trái thời. Lúc có đại chúng nhưng không hợp thời, Bồ-tát im lặng không thuyết giảng. Lúc đáng thuyết giảng nhưng căn cơ của đại chúng không hợp, nếu giảng thì chỉ có một người kham học, dù giảng vẫn chỉ vì một người mà không vì tất cả, lại làm cho kẻ khác kinh sợ, vì vậy Bồ-tát im lặng không thuyết giảng. Nếu không vì lợi ích của chúng sinh, không vì thanh tịnh tâm thì người thích nghe được nghe, người không thích nghe sẽ không bao giờ chịu nghe. Lúc giảng pháp cho đại chúng, Bồ-tát nghe biết được nhận thức hiểu biết của chúng. Lúc thuyết pháp Bồ-tát biết căn tánh của chúng sinh nào tỏ ngộ thì được nghe, không tỏ ngộ sẽ không được nghe. Với tánh thanh tịnh của Thiên nhĩ, Bồ-tát thấy ngã, nhân, chúng sinh đều thanh tịnh. Bồ-tát tùy thuận ngôn ngữ văn tự của năm loại chúng sinh để thuyết giảng, lại hồi hướng căn lành lên quả Bồ-đề vô thượng, không cầu các thừa khác.

Xá-lợi-phất! Tha tâm thông của Bồ-tát cũng không cùng tận. Vì sao? Vì Bồ-tát biết rõ tâm thượng trung hạ của chúng sinh, biết chúng

sinh thuộc tướng tâm thí, giới, nhãn, tinh tấn, thiền định, trí, Từ bi, Hỷ, Xả; hoặc thuộc tướng tâm Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa; biết chúng sinh nhờ oai lực tăng trưởng nên đủ căn lành; chúng sinh nhờ tăng trưởng căn lành nên sinh ở đây; chúng sinh thanh tịnh hạnh nhưng không thanh tịnh tâm; chúng sinh tâm tịnh, hạnh không tịnh; chúng sinh thanh tịnh cả tâm, hạnh; chúng sinh tâm, hạnh đều không tịnh; chúng sinh nhờ hạnh có tâm tịnh ở quá khứ; chúng sinh tùy duyên tổ ngộ. Bồ-tát lại biết tâm chúng sinh thời vị lai tu giới, hiện tại tu thí; vị lai tu nhãn, hiện tại giữ giới; vị lai tu hạnh tinh tấn; hiện tại tu nhãn, vị lai tu thiền, hiện tại tu hạnh tinh tấn; vị lai tu trí, hiện tại làm việc thế tục; vị lai phát tâm Đại thừa, hiện tại tu căn thấp kém. Bồ-tát nguyện hóa độ chúng sinh thời vị lai. Bồ-tát thật biết căn tánh của chúng sinh nên tùy thuận thuyết giảng; với chúng sinh thích nghe ít Bồ-tát không nói nhiều; luôn nói lời có ích. Với tâm tánh chúng sinh hiện tại Bồ-tát đều thật biết. Bồ-tát biết còn dục, đoạn dục; còn sân, đoạn sân; si, đoạn si; định, loạn; lừa, siêng, tâm thượng, trung, hạ; tâm bậc thượng nhưng loạn; tâm vừa loạn vừa định; tâm định nhưng không giải thoát; tâm giải thoát, không giải thoát; giải thoát nhưng không tịch tĩnh; tịch tĩnh không tịch tĩnh; tịch tĩnh giới hạn; giới hạn không giới hạn; phiền não, trói buộc tất cả đều tỏ, tùy thuận thuyết giảng. Ở đâu Bồ-tát cũng quán của căn tánh chúng sinh để tùy thuận hóa độ. Tha tâm thông của Bồ-tát cũng không chướng ngại. Vì sao? Vì trí tâm thông tỏ, khéo phân tích, đủ trí niệm, hiểu tướng Bồ-đề, đoạn tập khí, thanh tịnh không nhớ, không tranh chấp, không phiền não, không trôi theo, biết tất cả pháp, hiểu tâm chúng sinh.

Xá-lợi-phất! Túc mạng trí của Bồ-tát cũng không cùng tận. Vì sao? Bồ-tát nhớ rõ mọi việc đời trước của mình, của chúng sinh, an trụ nơi pháp giới, không dao động, biết rõ, biết cách tạo nghiệp, không não loạn, an trụ thiền định, không sợ, đủ trí, không mong cầu, nhớ kỹ, đủ công đức giúp hiểu Đại thừa, trọn vẹn trí tuệ, đầy đủ các Ba-la-mật và pháp Phật. Với Túc mạng trí, Bồ-tát biết rõ mọi việc trong một đời, hai, ba trăm ngàn vô lượng, vô biên đời kiếp. Bồ-tát biết sự thành hoại của trời đất trong một kiếp cho đến vô số kiếp; trong khoảng không gian và thời gian đó, chúng sinh thọ sinh, dòng họ, sắc tướng, ăn uống, thọ mạng, khổ vui, bệnh chết, chết ở đây sinh lại ở đây, chết ở kia sinh lại ở kia, Bồ-tát biết rất rõ, nguyện hồi hướng căn lành của mình lên đạo Bồ-đề vô thượng, nguyện giúp chúng sinh phát

tâm Bồ-đề vô thượng. Với tâm ấy, Bồ-tát quán sinh tử là khổ, vô thường, vô ngã, không tham chấp sắc dục, tài lộc, thọ mạng, quyền thế, bà con; không tham diệu lạc của Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương, Chuyển luân vương và của năm dục, vì độ chúng sinh, Bồ-tát thị hiện thọ sinh. Nhờ quán khổ, vô thường, vô ngã Bồ-tát phát tâm sám hối tội lỗi của quá khứ, hiện tại dù phải bỏ mạng vẫn không tái phạm; tăng trưởng căn lành quá khứ, nguyện hồi hướng về Bồ-đề vô thượng, nguyện cùng chúng sinh hồi hướng căn lành hiện tại lên đạo chánh giác; đoạn trừ pháp ác; nguyện không đoạn Tam bảo, hồi hướng pháp lành lên đạo Bồ-đề vô thượng.

Xá-lợi-phất! Như ý túc của Đại Bồ-tát cũng không cùng tận. Vì sao? Bồ-tát điều phục tâm, tự tại tu tập, đạt thần thông như ý trong hiện tại, hóa hiện đủ tướng giáo hóa chúng sinh. Bồ-tát hiện sắc tướng, thần biến, oai lực. Về sắc tướng Bồ-tát hiện tướng Phật, Duyên giác, Thanh văn, Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương, Chuyển luân vương và vô số hình sắc khác kể cả súc sinh để thuyết pháp giáo hóa chúng sinh. Có chúng sinh tự cho mình có quyền thế nên kiêu mạn, sân hận, Bồ-tát hiện oai lực để độ, nghĩa là hiện một phần bốn; hai phần bốn; ba phần bốn oai lực của Na-la-diên, hoặc dùng ba ngón tay nâng núi Tu-di cao mười sáu vạn tám ngàn do-tuần rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần để ở nơi khác giống như ném một trái A-ma-lặc, song oai lực của Bồ-tát vẫn không tổn giảm. Bồ-tát dùng tay nâng cả tam thiên đại thiên cõi nước suốt trong một kiếp. Nhờ vậy, chúng sinh cao ngạo kia điều phục tâm tánh, Bồ-tát tùy thuận thuyết giảng giáo hóa. Nhờ oai lực biến hóa, Bồ-tát tự tại hóa độ, có thể biến biển cả thành vũng nước trâu hoặc ngược lại. Bồ-tát còn có thể biết tai nạn lửa thành nước, nước thành lửa; gió thành lửa, lửa thành gió; gió thành nước; nước thành gió. Bồ-tát tùy thuận biến hóa tất cả. Ngoài Phật không ai có thể biến hóa tự tại như Bồ-tát. Bồ-tát biến hóa làm chúng sinh vui vẻ, rồi tùy thuận giảng pháp. Bồ-tát đủ thần thông vượt các cảnh giới phiền não ma, chướng, vào cõi Phật, không tổn hại chúng sinh, hành trọn căn lành, không bị quân ma tổn hại.

Xá-lợi-phất! Bốn Nhiếp pháp của Bồ-tát cũng không cùng tận. Bốn Nhiếp pháp: Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự. Bố thí có hai: Tài thí, pháp thí. Ái ngữ: Nói lời hòa nhã với mọi chúng sinh dù là cầu tiền tài hay mong nghe pháp. Lợi hành: Thỏa mãn ý nguyện của chúng sinh. Đồng sự: Giúp chúng sinh cầu tài pháp, an trụ Đại thừa. Thí: Thanh tịnh tâm trước người xin. Ái ngữ: Vui vẻ trước người xin. Lợi hành: Thỏa

mãn nhu cầu của người xin. Đồng sự: Dạy chúng sinh bằng pháp Đại thừa thí: Tâm Xả; Ái ngữ: Hạnh không giới hạn; Lợi hành: Không hối hận; đồng sự: Hồi hướng Đại thừa. Thí: Tu Từ, xả; Ái ngữ: Không bỏ tâm Hỷ; Lợi hành: Trang nghiêm đại Bi đem lợi ích cho chúng sinh; Đồng sự: Không phân biệt cao thấp, phát tâm hồi hướng trí Nhất thiết chủng. Thí: Tạo tài vật đúng pháp, thanh tịnh bố thí; Ái ngữ; an trụ chúng sinh trong pháp lành. Lợi hành: Nêu lợi ích của mình để tạo lợi ích cho mọi loài; Đồng sự: Khuyên chúng sinh phát tâm Nhất thiết trí. Thí: Ban cho vật bên trong bên ngoài. Ái ngữ: Đủ công đức trí tuệ. Lợi hành: Bỏ lợi của mình, làm lợi cho người; đồng sự: Bỏ ngôi vị cao sang tâm không hối hận. Pháp thí: Giảng lại pháp đã nghe. Ái ngữ: Thuyết pháp không cầu vật chất; Lợi hành: Khuyên người hành pháp; đồng sự: Đạt pháp vi diệu bằng trí Nhất thiết, khuyên dạy chúng sinh. Pháp thí: Tuân tự giảng pháp cho chúng sinh. Ái ngữ: Giảng pháp cho mọi người không nề xa gần; Lợi hành: Cung cấp mọi vật cho người cầu pháp, sau đó mới tùy thuận giảng thuyết. Đồng sự: Khuyên chúng sinh hồi hướng lên đạo Bồ-đề vô thượng. Pháp thí: Biết bố thí pháp là cách thí tối thắng nên giảng pháp cho chúng sinh. Ái ngữ: Thuyết pháp lợi sinh; Lợi hành: Giảng thuyết nghĩa lý không chấp văn tự; Đồng sự: Giảng pháp vì trọn vẹn pháp Phật. Thí: Trọn vẹn Thí ba-la-mật. Ái ngữ: Trọn vẹn giới Nhẫn ba-la-mật; Lợi hành: Đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật; Đồng sự: Viên mãn thiền, Bát-nhã ba-la-mật. Thí: Phát tâm Bồ-đề. Ái ngữ: Tu hành Bồ-đề. Lợi hành: Không thoái chuyển tâm Bồ-đề; Đồng sự: Đạt một đời thành Phật. Thí: An trụ hạt giống căn bản của Bồ-đề; Ái ngữ: Nuôi lớn mầm cây Bồ-đề; Lợi hành: Kết hoa Bồ-đề; Đồng sự: Thành quả Bồ-đề.

Xả-lợi-phất! Bốn trí vô ngại của Bồ-tát cũng không cùng tận. Nghĩa vô ngại: Biết nghĩa đệ nhất của các pháp. Đó là trí so sánh, nhân, duyên, hòa hợp, không thiên chấp, không chấp giữa, mười hai nhân duyên, không khác tánh pháp như thật, chân chánh, rộng lặng, không tướng, không nguyện, vô vi, quán một tướng, quán vô ngã, quán không có chúng sinh, quán không thọ mạng, quán Đệ nhất nghĩa, quán quá khứ không ngại, vị lai không bờ bến, hiện tại là Nhất thiết chủng, quán các ấm như oán giận, các giới như rắn độc, các nhập như hư không, quán pháp bên trong luôn tịch diệt, quán pháp bên ngoài không biến động, quán cảnh vật như huyễn hóa, quán niệm an trụ chân chánh, quán kham nhận chánh pháp, quán tự thân, quán các đế, quán khổ:

Không hòa hợp, quán tập: Không tạo tác; quán diệt: Tự tánh; quán đạo: Đi đến, phân biệt các pháp, quán căn tánh, tâm hành của chúng sinh mà tùy thuận, đủ oai lực không thể hàng phục, hiểu như thật thọ trì thiền định, trí sáng soi, quán trang nghiêm là huyễn hóa, sóng nắng, cảnh trong mộng, tiếng vọng, cảnh trong gương, tất cả không hình tướng, hiểm nạn, đoạn chấp, Thanh văn thừa nghe pháp Duyên giác thừa quán mười hai nhân duyên. Nghĩa vô ngại: Suy xét nghĩa của tất cả các pháp. Vì sao? Vì các pháp đó không ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, và đó chính là nghĩa. Tất cả các pháp sắc đều như vậy. Nghĩa vô ngại không trụ, không cùng tận, đạt tất cả pháp, chân thật, không khác biệt, phân tích bằng trí không chướng ngại. Pháp vô ngại: Quán các pháp thiện, ác, thế gian, xuất thế gian, tạo tác, không tạo tác, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, đen, trắng, sinh tử, Niết-bàn, biết tánh pháp, Bồ-đề, tánh trí bình đẳng; quán tâm hành nhiều dục, ít dục, mới phát khởi, tướng dục, cảnh dục, có dục bên ngoài không có dục bên trong; bên ngoài không dục, bên trong có dục; hoặc cả trong ngoài đều có dục; trong ngoài không có dục; dục thuộc sắc không thuộc tiếng, hương, vị, xúc; dục thuộc tiếng không thuộc sắc, hương vị xúc; dục thuộc hương không thuộc sắc, tiếng, vị, xúc; dục thuộc vị không thuộc sắc thanh hương xúc; dục thuộc xúc không thuộc sắc thanh, hương, vị cứ thế Bồ-tát quán chúng sinh có hai vạn một ngàn tâm tham dục; hai vạn một ngàn tâm sân; hai vạn một ngàn tâm si; hai vạn một ngàn các hạnh khác. Như thế chúng sinh có tám vạn bốn ngàn hạnh, Bồ-tát đều thật biết, tùy thuận thuyết giảng.

Xá-lợi-phất! Từ vô ngại: Bồ-tát quán biết tất cả âm thanh của Trời, Người, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân tùy thuận âm thanh ngôn ngữ của mỗi loài mà Bồ-tát giảng pháp. Bồ-tát biết một, hai, ba, bốn, vô số ngôn ngữ, ngôn ngữ của nam, nữ không phải nam, nữ, quá khứ, vị lai, hiện tại thuyết pháp thông suốt, không chướng ngại, không thô bạo, trang nghiêm văn tự, làm vui lòng người nghe. Bồ-tát trang nghiêm cả tục đế và Đệ nhất nghĩa đế, dùng tên trí tuệ vào tà chấp, làm cho chúng sinh vui vẻ.

Xá-lợi-phất! Nhạo thuyết vô ngại: Bồ-tát giảng thuyết thông suốt, không dừng, nhanh chóng, tiện lợi, đáp đúng lời hỏi, hợp cơ, an trụ nhãn, căn cứ hai đế, căn cứ giới, thí, nhẫn, tinh tấn, định, tuệ, căn cứ tất cả kinh pháp và các pháp niêm xứ, chánh cần, như ý túc, căn, lực, giác, đạo, tịch diệt, tư duy để đáp lời. Bồ-tát tùy thuận từng ngôn ngữ mà phân biệt giảng thuyết, nương thiền định, Tam-ma-bạt-đề (định), chân

để để đáp, tùy căn tánh mà giảng pháp ba thừa. Bồ-tát nói lời vi diệu, không thô bạo, tịch tĩnh, không thọ dụng, oai đức, không chấp, không trói buộc, hòa hợp không trái, nhu thuận, không bị chê trách, được các bậc Hiền thánh ngợi khen, hợp lời Phật, tiếng hay như tiếng Phạm thiên; giảng pháp vi diệu cho chúng sinh, giúp người nghe đạt pháp lạc đoạn hết khổ não. Đó là bốn Trí vô ngại không cùng tận của Bồ-tát.

Xá-lợi-phất! Bốn y nương tựa của Bồ-tát cũng không cùng tận. Bốn y: Y nghĩa không y ngữ; y trí không y thức; y kinh liễu nghĩa không y kinh không liễu nghĩa; y pháp không y nhân; y nghĩa không y ngữ: Ngữ là ngôn ngữ trong pháp thế gian; nghĩa: Hiểu pháp xuất thế không có tướng văn tự. Ngữ: Như giảng pháp bố thí, điều phục, bảo vệ; nghĩa: Biết thí, giới, nhẫn... đều bình đẳng. Ngữ: Nói về sinh tử; nghĩa biết sinh tử là không tánh. Ngữ: Giảng về vị Niết-bàn; Nghĩa: Biết Niết-bàn là không tánh. Ngữ: Giảng thuyết các thừa tùy thuận an trụ; biết các thừa đều thuộc một trí: Nghĩa. Ngữ: Giảng về các pháp xả. Nghĩa: Thanh tịnh cả ba. Ngữ: Giảng về thân, khẩu, ý thọ trì tịnh giới đủ công đức oai nghi. Nghĩa: Hiểu thân, khẩu, ý đều không tạo tác, không bảo hộ tất cả giới tịnh. Ngữ: Giảng về nhẫn đoạn trừ sân hận, kiêu mạn. Nghĩa: Hiểu các pháp đạt Nhẫn vô sinh. Ngữ: giảng về việc siêng năng làm lành. Nghĩa: An trụ nơi tinh tấn, không thấy đầu cuối. Ngữ: Giảng về thiền định, Tam-muội giải thoát, tam-ma-bạt-đề. Nghĩa: Biết định diệt tận. Ngữ: Giảng về trí căn bản tất cả văn tự. Nghĩa: Trí tuệ không thể giảng nói. Ngữ: Giảng về ba mươi bảy phẩm Trợ đạo. Nghĩa: Biết tu tập và chứng quả. Ngữ: Giảng về khổ, tập, đạo đế. Nghĩa: Chứng diệt đế. Ngữ: Giảng về vô minh, sinh, già, chết. Nghĩa: Biết sự diệt của vô minh già chết. Ngữ: Giảng về tham, sân, si. Nghĩa: Hiểu căn ác là trí giải thoát. Ngữ: Giảng về pháp chướng ngại. Nghĩa: Đạt giải thoát không ngại. Ngữ; giảng về vô lượng công đức của Tam bảo. Nghĩa: Biết công đức Tam bảo đoạn dục, như tánh pháp là tướng vô vi. Ngữ: Giảng việc phát tâm ngời đạo tràng, tu tập trang nghiêm công đức Bồ-đề. Nghĩa: Dùng tuệ nhất niệm hiểu tất cả pháp. Tóm lại: Giảng về tám vạn bốn ngàn pháp môn là ngữ; biết văn tự không thể giảng thuyết là nghĩa. Y trí không y thức: Thức, bốn trụ xứ thức (sắc, thọ, tưởng, hành); trí: Biết bốn thức không có nơi dừng. Thức: Biết đất, nước, lửa, gió. Trí: Biết tánh bốn đại không sai khác. Thức: Biết mắt trụ sắc, tai mũi lưỡi, thân ý cũng vậy. Trí: Tánh bên trong tịch tĩnh; không theo cảnh bên ngoài, biết các pháp không nhớ tưởng. Thức: Tư duy phân biệt cảnh. Trí:

Không chấp cảnh tướng, không tìm kiếm các pháp. Thức: Hành pháp hữu vi. Trí: Biết pháp vô vi không hành vì tánh của pháp vô vi không thể biết bằng thức. Thức: Tướng sinh trụ diệt. Trí: Không thấy tướng sinh trụ diệt. Y kinh liễu nghĩa không y kinh không liễu nghĩa: Kinh không liễu nghĩa: Phân biệt tu đạo. Kinh liễu nghĩa: Không phân biệt quả. Kinh không liễu nghĩa: Tin nhân quả. Kinh liễu nghĩa: Đoạn hết phiền não. Kinh không liễu nghĩa: Chán ghét phiền não. Kinh liễu nghĩa: Nêu khổ não của sinh tử. Kinh không liễu nghĩa: Khen ngợi pháp thanh tịnh. Kinh liễu nghĩa: Nêu sinh tử Niết-bàn là một. Kinh không liễu nghĩa: Nêu về các pháp trang nghiêm. Kinh liễu nghĩa: Kinh sâu xa khó hiểu khó thọ trì. Kinh không liễu nghĩa: Giảng tướng tội phước cho chúng sinh làm cho người nghe buồn, vui. Kinh liễu nghĩa: Giảng thuyết làm cho người nghe điều ghê tởm. Kinh không liễu nghĩa: Giảng về ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, tạo tác, thọ nhận; biết các pháp không có cho nhận nhưng lại giảng có cho nhận. Kinh liễu nghĩa: Giảng về Không, Vô tướng, Vô nguyện, không tạo tác, không sinh, không ngã nhân chúng sinh thọ mạng; giảng về vô số pháp giải thoát. Y pháp không y nhân: Nhân: Chấp người, tạo tác, thọ nhận. Pháp: Biết không có người, tạo tác, thọ nhận. Nhân: Phạm phu, người lành, người tin, người hành pháp, bát nhân, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, một người ra đời tạo lợi lạc cho nhiều người, người thương yêu thế gian khởi tâm đại Bi, lợi ích trời, người, Phật. Tất cả các danh từ ấy, Phật căn cứ thế nơi tục đế, giảng thuyết để độ chúng sinh. Ai chấp như thế là nương tựa người. Vì độ kẻ chấp nên Như Lai dạy nương pháp không nương người. Vì tánh pháp không đối khác, không trụ chấp, tất cả bình đẳng; không suy xét, không duyên, không thay đổi, tánh tướng không ngại như hư không. Người nương tánh pháp sẽ không chấp tướng, quán tất cả pháp cùng một tánh.

